

Bản án số: 30/2019/DS-ST

Ngày: 23/8/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Long

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện MT tham không gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX- ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn văn L**, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TA A, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1. Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

2. Bà **Trần Thị L1 ((L1))**, sinh năm: 1961 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn văn L trình bày: Từ năm 2013 đến ngày 19/01/2014 ông Nguyễn văn L có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị L1 (L1) vay nhiều lần với số tiền 45.000.000đ như sau.

Đầu năm 2013, ông H bà L1 vay 10.000.000đ.

Ngày 18/12/2013 (16/11/2013 âm), ông H, bà L1 vay 5.000.000đ.

Ngày 09/01/2014 (09/12/2013 âm), ông H, bà L1 vay 10.000.000đ

Tổng số tiền 25.000.000đ bà L1 có làm biên nhận nợ.

Số tiền 20.000.000đ còn lại do con của bà L1 là anh T và chồng bà L1 trực tiếp nhận từ ông L nhưng không có làm biên nhận nợ.

Nay ông Nguyễn văn L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà L1 trả cho ông L số tiền 25.000.000đ có biên nhận nợ, không yêu cầu tính lãi. Riêng đối với số tiền 20.000.000đ ông L xin rút yêu cầu đối với số tiền này.

Bị đơn bà Trần Thị L1 (và ông Nguyễn Minh H trình bày: Có vay của ông L số tiền 03 lần tổng cộng là 25.000.000đ là đúng, các lần vay tôi có viết biên nhận nợ, còn các khoản khác tôi không biết. Nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền trên tôi không đồng ý, vì số tiền này tôi vay của ông L để hùn vốn mở trại hòm với ông L, nhưng nay ông L tự ý chấm dứt việc hùn vốn, tự ông L đứng ra mua bán trại hòm mà không trả lại tiền vốn hùn cho vợ chồng tôi.

Tại phiên tòa hôm nay Ông Nguyễn văn L trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà L1 có trách nhiệm trả số tiền vay 25.000.000đ cho ông, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền ông L cho ông H và anh T con bà L1 (Liên) vay 2 lần mỗi lần 10.000.000đ, tổng số tiền 20.000.000đ ông xin tự nguyện rút yêu cầu này.

Bị đơn bà Trần Thị L1 (L1) và ông Nguyễn Minh H vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Đó đó Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Minh H và anh Trần Minh T trả số tiền vay 02 lần mỗi lần 10.000.000đ. Tổng cộng là 20.000.000đ, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2019 ông Nguyễn văn L đã yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đến ngày 21/6/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn văn L xin rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Minh H và anh Trần Minh T trả số tiền 20.000.000đ do không có biên nhận. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với một phần yêu cầu ông L đã rút.

[2]. Về nội dung: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì bà Trần Thị L1 ((Liên) và ông Nguyễn Minh H có vay tiền của ông L ba lần vào ngày 09/12/2013 bà L1 (L1) vay 10.000.000đ, ngày 16/11/2013 bà L1 (L1) vay 5.000.000đ có viết biên nhận nợ 15.000.000đ ngày 19/12/2013. Đến ngày 13/3/2014 bà L1 (L1) tiếp tục vay của ông L số tiền 10.000.000đ có viết biên nhận nợ, như vậy bà L1 (L1) vay của ông L tổng cộng là 25.000.000đ theo hai biên nhận nợ, ông L khởi kiện yêu cầu bà L1 trả số tiền vay 25.000.000đ. Bà L1, ông H thừa nhận số tiền nợ trên là đúng và có viết biên nhận nợ cho ông L 25.000.000đ là đúng, tuy nhiên bà L1 (L1) cho rằng đây là tiền hùn vốn mở trại hòm với ông L là không có căn cứ chấp nhận vì trong biên nhận nợ không thể hiện việc vay tiền hùn vốn với ông L, bà L1 (Liên), ông H cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông L cung cấp buộc bà L1 (L1), ông H có nghĩa vụ phải hoàn trả toàn bộ số tiền vay 25.000.000 đồng cho ông L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn văn L, buộc bà Trần Thị L1 ((Liên) và ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn văn L số tiền vay đã nhận là 25.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị L1 (và ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho ông L số tiền 25.000.000đ x 5% = 1.250.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn văn L.

Buộc bà Trần Thị L1 (L1), ông Nguyễn Minh H trả cho ông Nguyễn văn L số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Minh H, ông Nguyễn Minh T trả 20.000.000đ tiền vay của ông Nguyễn văn L, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3/ Về án phí: Buộc bà Trần Thị L1 (L1), ông Nguyễn Minh H phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn văn L số tiền tạm ứng án phí 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007048 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND huyện MT: 01
- Chi cục THADS HMT: 01
- Đường sự: 02
- Lưu: 04

Huỳnh Thị Linh